

1. Cơ sở phương pháp luận và hiệu quả kinh tế của VietGAP

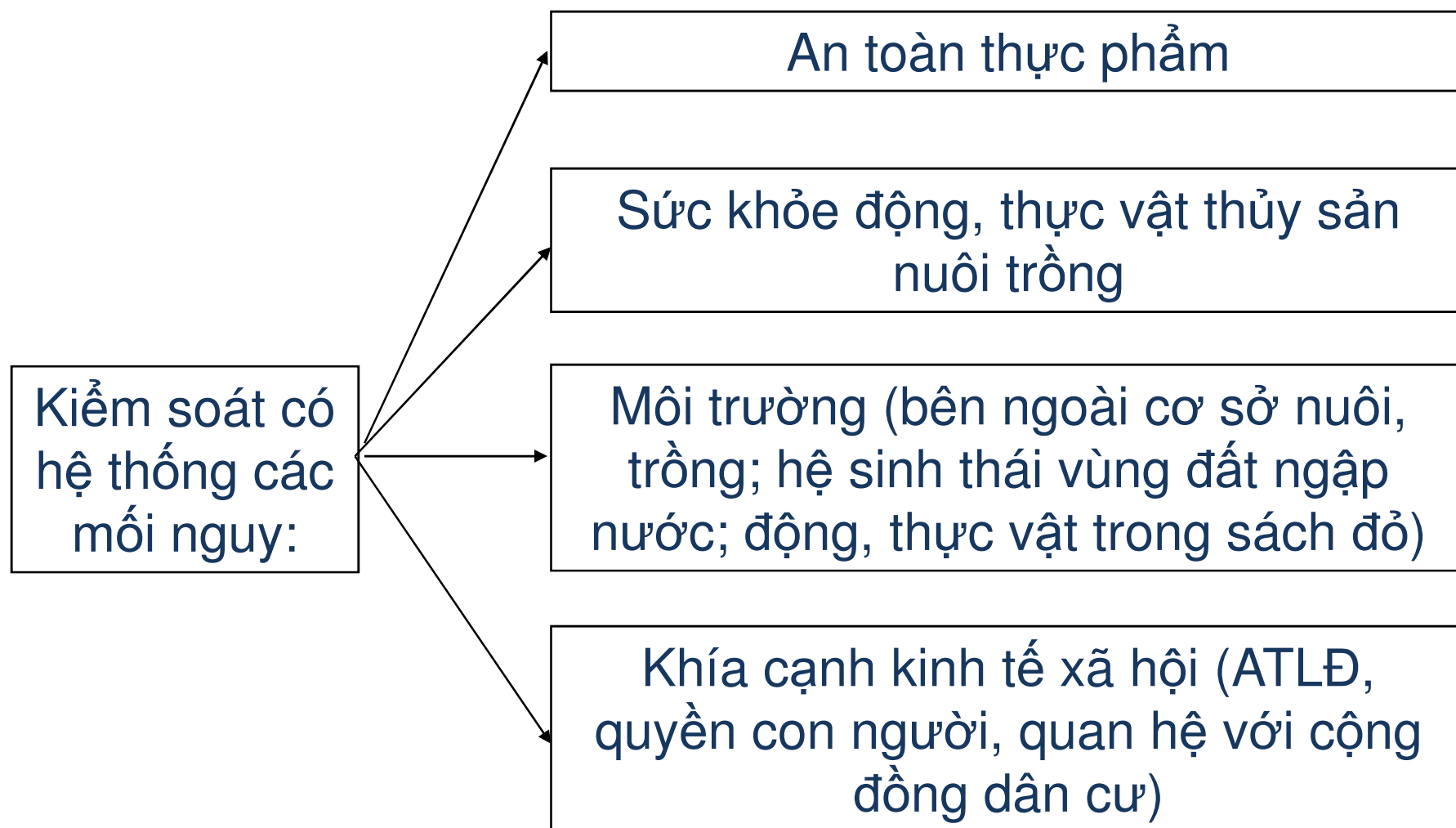
1.1. Cơ sở phương pháp luận xây dựng VietGAP

1.1.1. Tên gọi: Quy phạm thực hành NUÔI – TRỒNG
Thủy sản tốt tại Việt Nam - VietGAP

1.1.2. Phạm vi điều chỉnh:

TT	Đối tượng	Phạm vi điều chỉnh
1.	Nuôi Thủy sản (động vật)	✓ Nước mặn, nước lợ, nước ngọt ✓ QC, QCCT, BTC, TC, CN ✓ Nuôi, trồng kín/ hở
2.	Trồng Thủy sản (Thực vật)	

1.1.3. Mục tiêu của VietGAP



1.1.4. Những yếu tố liên quan đến môi nguy trong nuôi trồng thủy sản

a. Nhóm đối tượng và hình thức nuôi, trồng

TT	Nhóm đối tượng	Hình thức nuôi trồng
1.	Nuôi (động vật) thủy sản	1.1. Nuôi kín: Kiểm soát được nguồn nước cấp và nước thải, bùn thải (<i>ao, hồ, bể...</i>) 1.2. Nuôi hở: Không kiểm soát được nguồn nước cấp và nước thải, bùn thải (<i>lồng, bè, ruộng, đăng quàng, bãi triều...</i>)
2.	Trồng (thực vật) thủy sản	2.1. Trồng kín: Kiểm soát được nước cấp và nước thải, bùn thải (<i>sinh khối các loại tảo...</i>) 2.2. Trồng hở: Không kiểm soát được nguồn nước cấp và nước thải, bùn thải (<i>trồng rong câu, rong mơ trên bãi triều, dây căng treo thực vật...</i>)

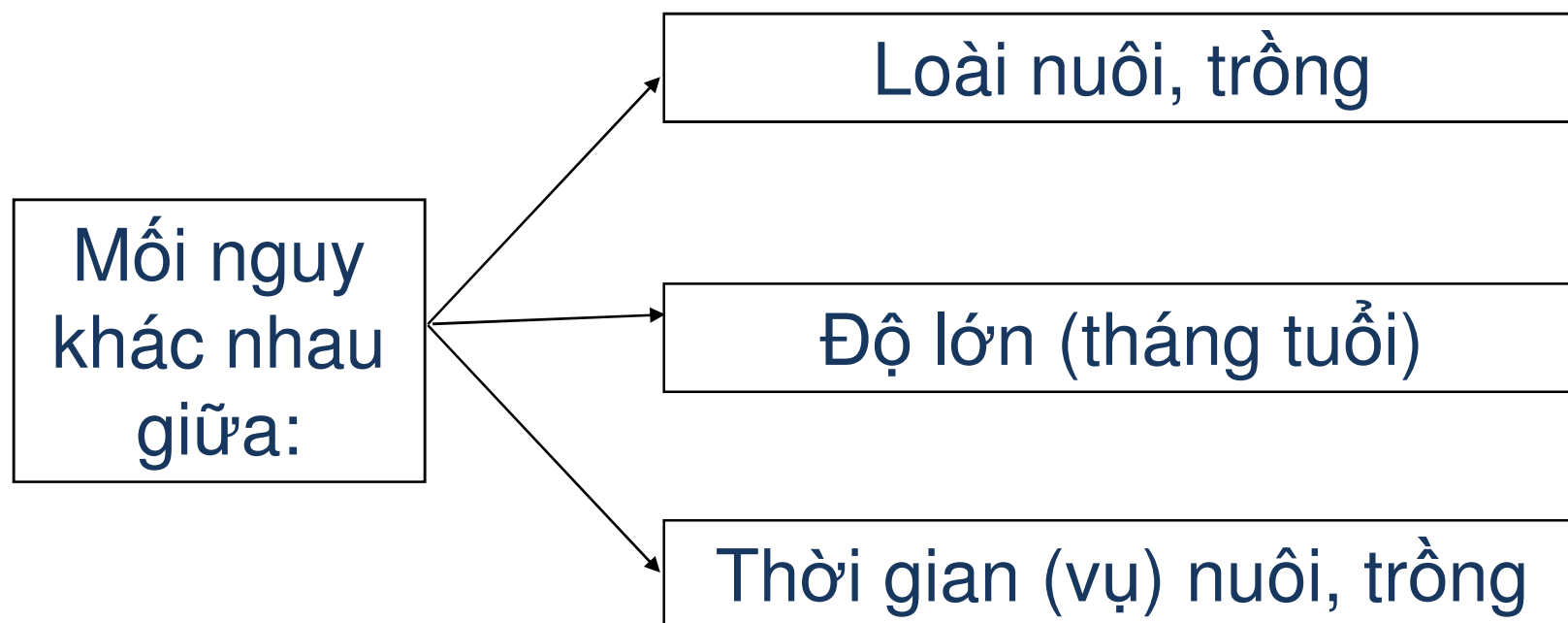
b. Phương thức nuôi, trồng

TT	Phương thức	Đặc điểm
1.	Nuôi, trồng có cho ăn, có trị bệnh (còn gọi là nuôi, trồng công nghiệp, thâm canh, bán thâm canh)	Kiểm soát được tác động của môi trường, nhưng những mối nguy bệnh dịch, an toàn thực phẩm, an toàn môi trường do hoạt động cho ăn, trị bệnh rất lớn
2.	Nuôi, trồng không cho ăn, không trị bệnh (còn gọi là nuôi, trồng quảng canh, quảng canh cải tiến)	Chịu tác động của các mối nguy do môi trường gây ra cao hơn phương thức nuôi có cho ăn, có trị bệnh, nhưng rất ít hoặc không chịu tác động do con người (cho ăn, trị bệnh) gây ra.

c. Vị trí và vùng nước nuôi, trồng

TT	Chỉ tiêu	Đặc điểm
1.	Vùng nước nuôi, trồng	Nuôi, trồng nước ngọt chịu tác động của chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt cao hơn so với nuôi, trồng nước lợ và nước mặn
2.	Vị trí nuôi, trồng	Nuôi, trồng gần nguồn chất thải có nguy cơ cao hơn so với nuôi, trồng cách xa nguồn ô nhiễm

d. Đối tượng nuôi, trồng



e. Năng lực của chủ cơ sở nuôi, trồng

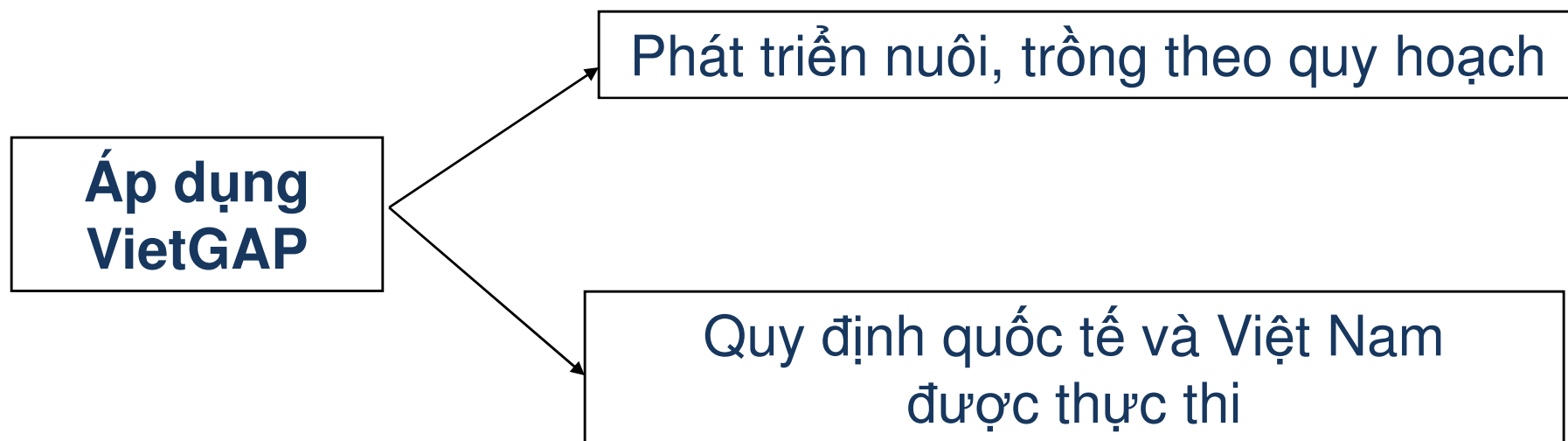
TT	Chủ cơ sở	Đặc điểm chung
1.	Cơ sở nuôi, trồng quy mô lớn	✓ Có khả năng tiếp thu và làm theo VietGAP ✓ Đủ cán bộ chuyên môn kiểm soát 4 lĩnh vực của VietGAP ✓ Có vốn triển khai phần cứng
2.	Cơ sở nuôi, trồng hộ gia đình	✓ Khó khăn trong tiếp thu và làm theo VietGAP ✓ Không đủ cán bộ, kiến thức kiểm soát 4 lĩnh vực của VietGAP ✓ Tiềm lực kinh tế yếu, khó khăn trong triển khai phần cứng

g. Đề xuất hướng sửa đổi (chung)

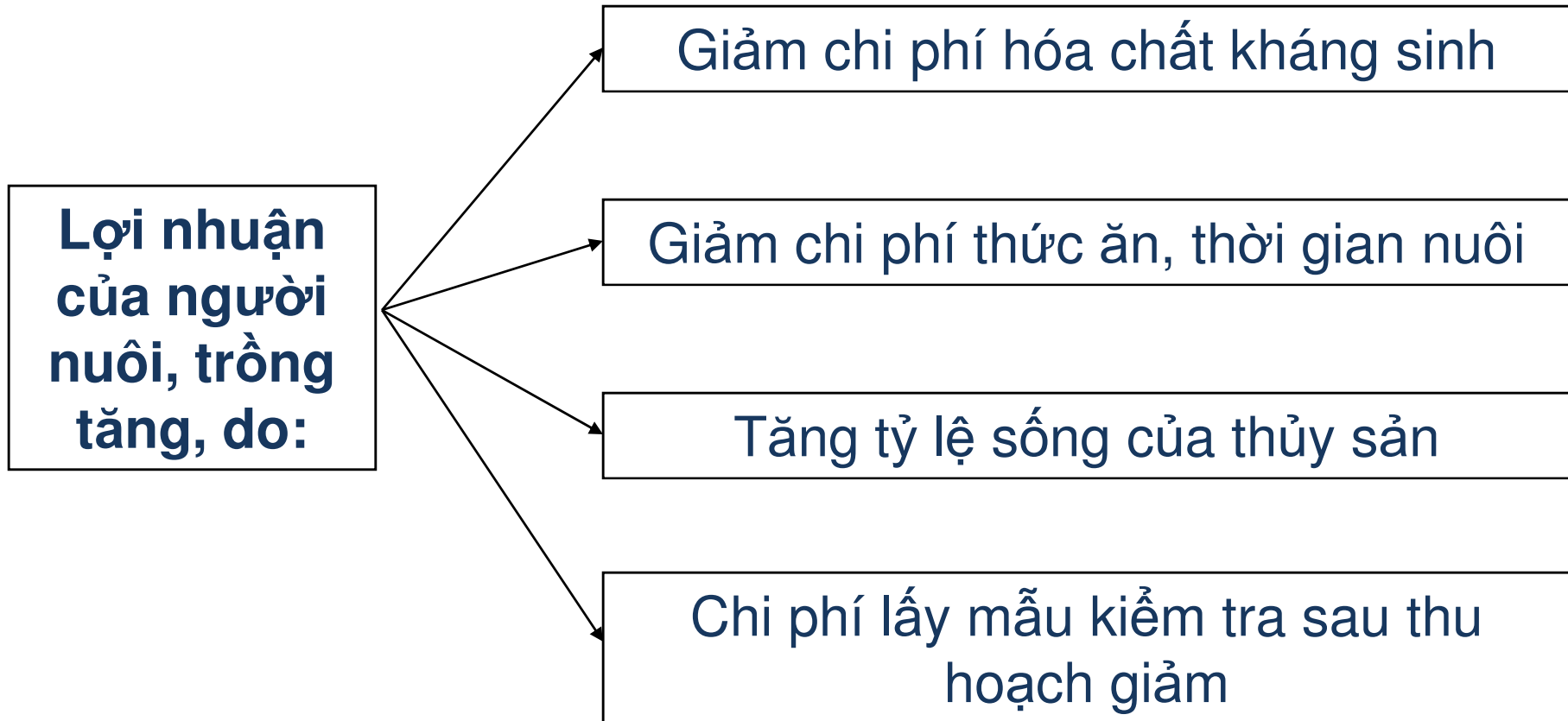
TT	Loại văn bản	Hướng sửa đổi
1.	Quy phạm VietGAP	✓ Quy định chung cho thủy sản (nuôi, trồng), bao quát các hình thức, phương thức, loài, vùng nước và năng lực của chủ cơ sở ✓ Những nhóm chỉ tiêu/ chỉ tiêu áp dụng hạn chế sẽ có chú thích
2.	Bảng tiêu chí đánh giá VietGAP	✓ Bám sát vào nhóm chỉ tiêu, chỉ tiêu trong VietGAP ✓ Mức đánh lỗi: Se, Ma, Mi hoặc đạt (Ac)
3.	Hướng dẫn áp dụng VietGAP	✓ Theo lĩnh vực nuôi, trồng ✓ Theo nhóm có mối nguy tương đương và quy trình nuôi, trồng tương đương

1.2. Hiệu quả của VietGAP

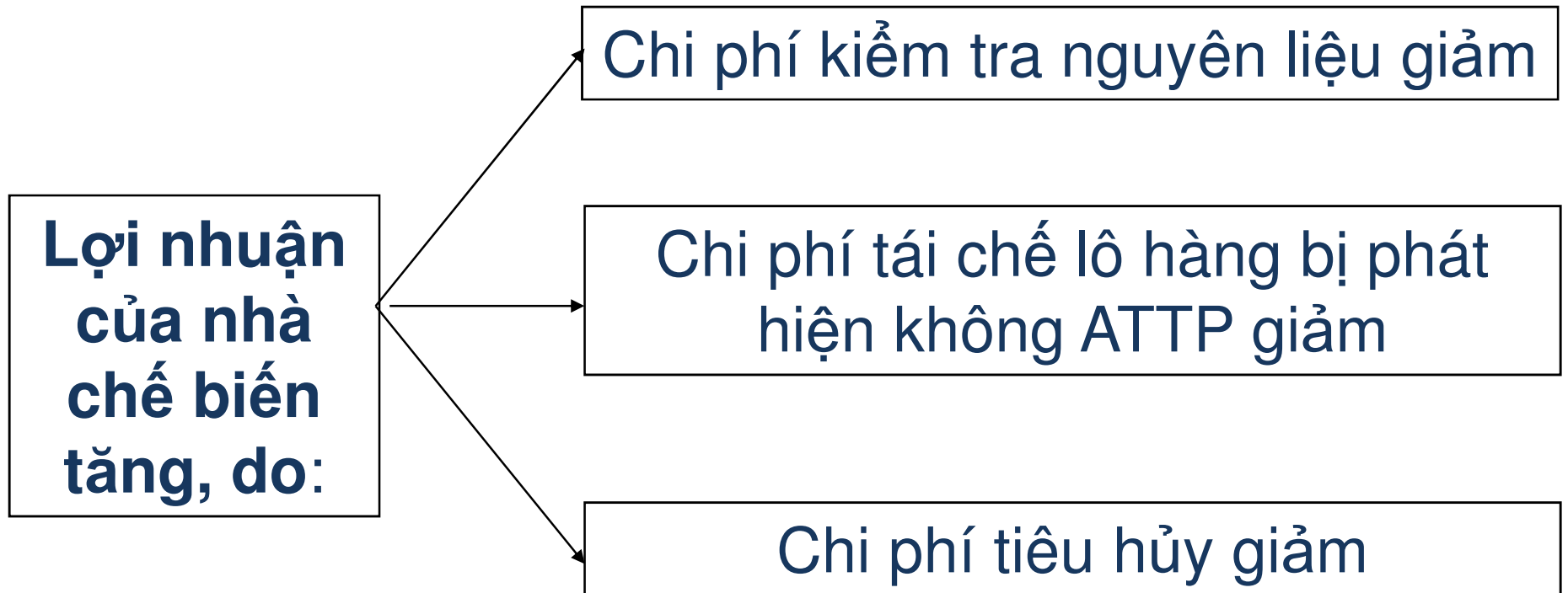
a. Hiệu quả về quản lý:



b. Hiệu quả kinh tế cho người nuôi



c. Hiệu quả kinh tế cho nhà chế biến



d. Hiệu quả xã hội

- ✓ Cơ sở nuôi chủ động phòng tránh và giải quyết xung đột với cộng đồng dân cư chung quanh
- ✓ Hệ sinh thái vùng đất ngập nước; động, thực vật trong sách đỏ được bảo vệ
- ✓ Quyền và lợi ích của người nuôi, trồng thủy sản được đảm bảo

e. Sản phẩm xuất xứ từ cơ sở NTTS được chứng nhận VietGAP

✓ *Lượng hàng bán được nhiều hơn?*

- Có thể, nếu được cơ quan có thẩm quyền nước nhập/ hệ thống bán lẻ/ nhà nhập khẩu công nhận

✓ *Giá bán sản phẩm xuất xứ từ cơ sở được chứng nhận VietGAP tăng?*

Có thể, nếu:

- Cơ sở được chứng nhận VietGAP kiểm soát tốt ATTP, ATBD, ATMT, ASXH;
- Sản phẩm luôn đảm bảo an toàn cho người sử dụng

Xin chân thành cảm ơn